

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) - cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam

NGUYỄN NGỌC LAN*

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) đóng vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập của Việt Nam nói chung và hội nhập TPP nói riêng. TPP không những mang lại cơ hội, mà còn đặt ra những thách thức đối lớn đối với SMEs. Rào cản chủ yếu đối với SMEs khi tham gia TPP là: năng lực cạnh tranh yếu kém, hoạt động trong môi trường chính sách không đủ khuyến khích doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; bất lợi từ việc thực thi các yêu cầu cao về môi trường, lao động, về sở hữu trí tuệ, đa số SMEs ở Việt Nam còn thụ động và có mức độ sẵn sàng cho hội nhập TPP chưa cao... Bài viết gợi mở một số giải pháp chính để thúc đẩy quá trình hội nhập, bao gồm: i) nhà nước cần tạo môi trường chính sách và thể chế thuận lợi cho hội nhập của doanh nghiệp vào TPP; ii) SMEs cần nâng cao năng lực cạnh tranh để tận dụng các cơ hội lớn cũng như vượt qua những thách thức; các Hiệp hội cần đóng vai trò tư vấn và hỗ trợ tích cực quá trình hội nhập TPP của doanh nghiệp.

Từ khóa: Cơ hội và thách thức, hội nhập kinh tế, TPP, SMEs Việt Nam.

Trong hội nhập kinh tế quốc tế, mặc dù chính phủ có vai trò quan trọng, song hoạt động của doanh nghiệp vẫn đóng vai trò chủ chốt quyết định thành bại của tiến trình xuất nhập khẩu cũng như đầu tư. Tham gia TPP cũng vậy, vai trò của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) ngày càng trở nên quan trọng. Đối với Việt Nam, trong hoàn cảnh các DNNN còn nhiều yếu kém và đang trong quá trình cải tổ và cơ cấu lại, thì việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các SMEs là rất quan trọng. Nếu các SMEs không quan tâm và không tham gia vào thì hội nhập TPP khó đạt được kết quả tốt.

Trong tương lai không xa, Việt Nam sẽ chính thức tham gia TPP, vậy các SMEs ở Việt Nam có thể trở thành lực lượng quan trọng trong hội nhập TPP không? Để trả lời câu hỏi

này, cần phân tích kỹ những cơ hội và thách thức mà TPP mang lại cho các SMEs Việt Nam.

1. Cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Về cơ bản, TPP mang lại những lợi ích to lớn cho doanh nghiệp Việt Nam nói chung và SMEs nói riêng.

1.1. Đẩy mạnh xuất khẩu đối với doanh nghiệp

Việc các nước trong đó có các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Canada giảm thuế nhập khẩu về 0% cho hàng hóa Việt Nam, sẽ tạo ra “cú hích” lớn cho xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam. Những ngành mà Việt Nam có lợi thế xuất khẩu nhất là dệt may, da giày, thủy sản. Theo số liệu của Bộ Công thương thì riêng ngành dệt may có thể tiết kiệm cả tỷ USD tiền thuế mỗi năm cho riêng thị trường Mỹ. Điều này cho phép doanh nghiệp bán giá rẻ hơn, hoặc tạo ra giá trị gia tăng cao hơn.

Tham gia TPP cũng sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam có được các cơ hội mới từ

*Đại học Ngoại thương

chuỗi cung ứng mới, được hình thành sau khi TPP có hiệu lực. Một số tập đoàn, công ty lớn trên thế giới khi đầu tư vào Việt Nam có mục đích biến Việt Nam trở thành một trong những vị trí quan trọng trong chuỗi sản xuất của họ. Tham gia TPP sẽ giúp xu hướng này phát triển mạnh hơn, là điều kiện quan trọng để các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu mà các công ty tập đoàn lớn đã sẵn có.

1.2. Đón dòng vốn đầu tư chất lượng cao

Một cam kết quan trọng trong TPP là thực hiện ngay thuế suất bằng 0 với đa số hàng xuất khẩu. Để tận dụng cơ hội này, nhiều công ty nước ngoài sẽ đầu tư vào Việt Nam, trong số đó, sẽ có nhiều tập đoàn, công ty lớn trên thế giới. Bởi vì, một số tập đoàn công ty lớn trên thế giới đã cân nhắc đầu tư vào Việt Nam với mục tiêu biến Việt Nam trở thành một trong những cứ điểm quan trọng trong chuỗi sản xuất của họ. Các tập đoàn công ty lớn thường sở hữu công nghệ cao và sạch. Việc đầu tư ở Việt Nam của họ thường có tác động lan tỏa về công nghệ đối với các doanh nghiệp trong nước. Tham gia TPP, sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam nhanh chóng tiếp cận các ngành mới, có hàm lượng công nghệ cao hơn.

1.3. Cải thiện môi trường kinh doanh và môi trường chính sách cho doanh nghiệp

Trải qua 30 năm đổi mới và cải cách, môi trường kinh doanh ở Việt Nam đã được cải thiện nhiều. Tuy vậy, vẫn tồn tại một số bất cập trong môi trường kinh doanh.

Chưa có FTA nào có nhiều cam kết về thể chế như TPP (yêu cầu tạo lập sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp, minh bạch hóa mua sắm công, thắt chặt những chuẩn mực bảo hộ sở hữu trí tuệ, đề cao tính độc lập của công đoàn và thương lượng tập thể, cam kết xây dựng chính quyền minh bạch...). TPP tạo sức ép lớn từ bên ngoài để cải cách thể chế bên trong, nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh của Việt Nam. Dựa trên việc thực hiện các cam kết trong TPP, Chính phủ Việt Nam sẽ phải cải cách thể chế và thủ tục hành chính, từ đó có cơ hội lớn trong cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp. Những cải cách thể chế mà Việt Nam cần phải

thực hiện như: nâng cao năng lực điều hành nền kinh tế của nhà nước (năng lực hoạch định chính sách và luật, năng lực tổ chức thực hiện...); nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện hệ thống luật pháp... sẽ tạo điều kiện thuận lợi để cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, TPP yêu cầu sự gắn kết môi trường chính sách của TPP, điều này sẽ giúp mở ra một môi trường chính sách thông thoáng, bình đẳng và dễ dự đoán dành cho các doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường TPP. TPP khuyến khích minh bạch hóa, công bằng và hợp tác giữa các chính phủ để đạt được một phương thức tiếp cận chính sách một cách gắn kết, TPP ủng hộ việc chấp nhận rộng rãi các chính sách tốt, hoặc TPP cũng bao gồm các điều khoản nhằm giúp đảm bảo các chính sách rõ ràng, chính xác về mặt văn bản. Ngoài ra, TPP cũng khuyến khích các chính phủ TPP cung cấp các thông báo thường niên về tất cả các biện pháp chính sách mà chính phủ đó định thực hiện.

1.4. Áp lực cải cách các DNNN, tạo lập cạnh tranh bình đẳng

Trong TPP có cả một chương nói về DNNN. TPP yêu cầu các DNNN phải hoạt động trên cơ sở thương mại, và đòi hỏi phải có sự cạnh tranh công bằng giữa các DNNN và doanh nghiệp tư nhân.

Đối với Việt Nam, các DNNN, đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty vẫn chưa thể hiện được vai trò xứng tầm với quy mô và nguồn lực được giao; thực trạng tài chính của một số tập đoàn, tổng công ty tiềm ẩn nguy cơ rủi ro; hiệu quả, sức cạnh tranh của DNNN còn thấp; năng lực, trình độ quản trị doanh nghiệp còn yếu kém... Do đó, yêu cầu to lớn trong thời gian tới là phải thực hiện cải cách mạnh mẽ các DNNN, nhất là các tập đoàn, tổng công ty, buộc các DNNN phải hoạt động theo quy luật thị trường. Những định hướng cải cách các DNNN trong thời gian tới là: đẩy nhanh tốc độ cổ phần hoá hơn nữa, trong đó cần tập trung cổ phần hoá các tập đoàn và tổng công ty; bên cạnh đổi mới sở hữu trong DNNN, cần xây dựng chế độ quản trị doanh nghiệp hiện đại trong các DNNN, vì cải cách sở hữu chỉ là đổi mới doanh nghiệp về mặt

hình thức tên gọi, cải cách quản trị doanh nghiệp mới là nội dung thực chất của quá trình đổi mới doanh nghiệp; cần thay đổi chức năng sở hữu của Nhà nước đối với DNNN thông qua xây dựng mô hình cơ quan quản lý và kinh doanh vốn nhà nước kiểu mới...

Luật doanh nghiệp 2014 công nhận sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, nhất là giữa DNNN và doanh nghiệp tư nhân. Nhưng trên thực tế, chưa thực sự có một sân chơi bình đẳng giữa thành phần kinh tế khác nhau. Các DNNN, đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty vẫn nắm giữ những nguồn lực lớn, nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thực trạng tài chính của một số tập đoàn, tổng công ty tiềm ẩn nguy cơ rủi ro, sức cạnh tranh của DNNN còn yếu kém... Các doanh nghiệp tư nhân là động lực chủ yếu trong tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, và đóng góp vào thu ngân sách, nhưng trên thực tế lại bị phân biệt đối xử trong cung cấp vốn, vay tín dụng và mặt bằng sản xuất... Do đó, yêu cầu trong thời gian tới là phải thực hiện cải cách mạnh mẽ các DNNN, nhất là các tập đoàn, tổng công ty, buộc các DNNN phải hoạt động theo quy luật thị trường, kiên quyết xóa bỏ những ưu đãi, đặc quyền đặc lợi của các DNNN trong tiếp cận các nguồn lực. Các doanh nghiệp tư nhân cần được tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận các nguồn lực (về vốn ngân sách, về vay tín dụng, về cấp đất...), và hỗ trợ nhiều hơn về chính sách công nghệ, sản phẩm, xuất nhập khẩu, đầu tư... Đặc biệt, cần khẩn trương hoàn thiện nền tảng pháp lý cho các biện pháp phát triển các doanh nghiệp trong nước, từ các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước, đến các biện pháp phòng vệ.

1.5. Tham gia các chương trình hỗ trợ SMEs của TPP

TPP cam kết thiết lập một trang web dành cho đối tượng sử dụng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ để họ dễ dàng tiếp cận các thông tin về Hiệp định TPP, ví dụ như việc diễn giải các điều khoản của Hiệp định TPP liên quan tới doanh nghiệp vừa và nhỏ; các quy định và thủ tục liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ; các quy định về đầu tư nước ngoài; các thủ tục về đăng ký kinh doanh; các quy định về lao động và các

thông tin về thuế... Ngoài ra, TPP cũng quy định việc thành lập Ủy ban Doanh nghiệp vừa và nhỏ được tiến hành hợp định kỳ để rà soát mức độ hỗ trợ của Hiệp định TPP cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thông qua tư vấn xuất khẩu, hỗ trợ, đào tạo cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; cấp vốn thương mại và các hoạt động khác...

2. Thách thức

2.1. Có thể thua ngay trên sân nhà

Khi hội nhập vào TPP, việc giảm thuế quan ngay lập tức đối với đa số hàng hóa nhập khẩu sẽ tạo áp lực cạnh tranh to lớn đối với các doanh nghiệp trong nước. Việc giảm thuế quan có thể sẽ khiến luồng hàng nhập khẩu từ các nước TPP tràn vào Việt Nam mạnh mẽ, với giá cả cạnh tranh hơn. Hệ quả tất yếu là thị phần của nhiều hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị giảm và có thể một số ngành sẽ phải biến mất.

Thêm vào đó, khi tham gia thực sự vào TPP, năng lực cạnh tranh kém của các SMEs là cản trở chủ yếu đối với họ. Năng lực cạnh tranh yếu kém của SMEs bắt nguồn từ những hạn chế vốn có của chúng về vốn, công nghệ, đào tạo lao động. Thêm vào đó, các SMEs hoạt động trong môi trường chính sách không đủ khuyến khích doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh. Môi trường kinh doanh ở Việt Nam trong thời gian vừa qua đã được cải thiện đáng kể, nhưng chất lượng còn thấp. Những cải cách về thủ tục hành chính cũng như việc giảm bớt thuế phí cho doanh nghiệp đã được thực hiện, song còn nhiều rào cản đối với các SMEs: i) vẫn còn nhiều loại thuế phí bất hợp lý và các thủ tục hành chính còn khá rườm rà, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận đầu vào và đầu ra; ii) đa số các SMEs còn rất khó tiếp cận với vốn và đất đai, vì chính sách đất đai và tín dụng vẫn chủ yếu ưu tiên cho các DNNN; iii) đã có một số chính sách khuyến khích xuất khẩu, nhưng chủ yếu về tài chính, mà tính thực thi thấp, vì nhiều doanh nghiệp vẫn sợ ngại thủ tục, thực chất vẫn còn tâm lý xin cho.

Bên cạnh đó, các SMEs hiện chiếm đa số và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, thời gian qua, với những khó khăn đặc biệt của kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011 - 2013, hàng chục nghìn SMEs đã phải phá sản, ngừng hoạt động. Họ hiện đang phải

đối phó với rất nhiều khó khăn, phải lo đến sự tồn tại của họ hơn là hội nhập.

Các loại hình doanh nghiệp phổ biến của SMEs hiện nay ở Việt Nam chủ yếu là như tiệm tạp hóa, quán ăn, các công ty thương mại, phân phối hoặc dịch vụ nhỏ, đơn giản... sẽ phải cạnh tranh với những chuỗi siêu thị, các mô hình kinh doanh hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ mới mang thương hiệu nước ngoài. Việc xâm nhập thị trường Việt của các doanh nghiệp lớn nước ngoài còn có thể tạo ra những xu hướng tiêu dùng mới mà các SMEs ở Việt Nam gần như đứng ngoài.

2.2. Yêu cầu tiêu chuẩn cao về môi trường, lao động

Về môi trường, mặc dù đa số các cam kết về môi trường trong TPP mang tính khuyến nghị, không bắt buộc, nhưng TPP lại có quy định bắt buộc các nước thành viên phải xây dựng cơ chế cho phép khởi kiện đòi bồi thường đối với các hành vi vi phạm luật môi trường. Việt Nam đã có Luật môi trường, nhưng việc thực thi Luật này trên thực tế vẫn còn nhiều vấn đề, cơ chế xử phạt đối với những hành vi gây ô nhiễm môi trường chưa nghiêm minh. Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp nói chung cũng như SMEs nói riêng khi TPP được thực hiện.

Việc thực thi những quy định về môi trường của TPP không những là một gánh nặng lớn đối với Nhà nước, mà còn tạo ra nhiều chi phí cho doanh nghiệp (ví dụ như thay đổi công nghệ nuôi trồng – sản xuất, thay đổi nguồn cung nguyên vật liệu, bổ sung, cơ chế kiểm soát...).

Về lao động, Hiệp định TPP không đưa ra tiêu chuẩn riêng về lao động mà chỉ khẳng định lại các tiêu chuẩn lao động được nêu trong Tuyên bố năm 1998 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về Những nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động như quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động, cấm sử dụng lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, cam kết về đảm bảo điều kiện lao động liên quan tới tiền lương tối thiểu, giờ làm việc và an toàn lao động...

Hệ thống luật pháp của Việt Nam về cơ bản đã quy định đầy đủ những nội dung này, trừ vấn đề quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động. Việt Nam và Mỹ đã có cam kết riêng về một Kế hoạch Tăng cường thương mại và quan hệ lao động. Kế hoạch này đặt ra những yêu cầu cụ thể mà Việt Nam cần thực hiện để tuân thủ các cam kết bắt buộc trong TPP, đặc biệt tập trung vào cam kết về quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động. Điều khoản về quyền tự do thành lập công đoàn và thương lượng tập thể của người lao động là vấn đề thuộc về thể chế rất khó thay đổi ở Việt Nam.

2.3. Yêu cầu cao về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT)

Trong TPP có Nhóm cam kết về một số sản phẩm sở hữu trí tuệ đặc thù, như dược phẩm và nông hóa phẩm... TPP yêu cầu bảo hộ đối với dược phẩm, trong đó vấn đề gay gắt nhất là bảo hộ cơ sở dữ liệu thử nghiệm thuốc với thời hạn là 3, 5, và 8 năm. Thời hạn bảo hộ độc quyền cơ sở dữ liệu thử nghiệm thuốc độc lập với thời gian bảo hộ độc quyền sang chế, có nghĩa là các nước thành viên như Việt Nam phải thực hiện cả thời gian bảo hộ độc quyền sang chế và thời hạn bảo hộ độc quyền cơ sở dữ liệu thử nghiệm. Những quy định này của TPP giúp các doanh nghiệp dược phẩm nước ngoài có được sự độc quyền dài hạn ở nước ngoài và lợi nhuận khổng lồ, trong khi đó chúng lại làm tăng giá thuốc (do tăng phí đăng ký lưu hành) ở Việt Nam. Đây cũng là thách thức đáng kể đối với Việt Nam.

Về vấn đề bảo hộ đối với nông phẩm. Đối với Việt Nam, thời gian chuyển đổi bảo hộ phải đủ dài. Ban đầu Việt Nam đề nghị từ 10 đến 15 năm, vì trình độ sản xuất của Việt Nam hiện vẫn rất lạc hậu, nếu ngay bây giờ phải đáp ứng bảo hộ cao thì doanh nghiệp trong nước gần như không thể tồn tại, nhất là các đơn vị sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin thú y... nhưng Mỹ chưa chấp nhận, họ muốn ép xuống còn 2 hoặc 3 năm. Đây là một thách thức lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam.

Trong TPP có Nhóm các cam kết liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ bao gồm các

cam kết tăng cường hiệu quả thực thi, bảo hộ các quyền SHTT và xử lý nghiêm khắc hơn việc vi phạm quyền SHTT. TPP yêu cầu hình sự hóa những vi phạm liên quan tới SHTT. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam chỉ xử phạt hành chính các hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ, chưa có những quy định xử lý bằng hình sự. Bên cạnh đó, hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam gần đây mới làm tốt việc xác lập quyền, còn thực thi vẫn có nhiều hạn chế, thực tế vi phạm quyền sở hữu trí tuệ còn lớn và các thiết chế bảo hộ còn thiếu hiệu quả. Đây cũng là khó khăn lớn khi Việt Nam tham gia TPP.

2.4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam còn thụ động, mức độ sẵn sàng cho hội nhập TPP chưa cao

Nhiều SMEs nhận thức chưa rõ về cơ hội và thách thức của TPP, về những nội dung của TPP có liên quan đến SMEs (như các quy định và thủ tục liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ, các quy định về đầu tư nước ngoài, các thủ tục về đăng ký kinh doanh, các quy định về lao động, môi trường và các thông tin về thuế...). Mức độ quan tâm của các SMEs đến hội nhập TPP còn thấp và chưa có sự chuẩn bị sẵn sàng cho hội nhập TPP.

Nguyên nhân của sự bị động và thiếu quan tâm của các SMEs đến TPP là công tác cung cấp thông tin từ phía Nhà nước, Hiệp hội cho SMEs còn yếu kém, các SMEs ở Việt Nam thiếu sự chuẩn bị cho hội nhập TPP, bởi vì trong thời gian qua, hàng chục nghìn SME đã phải phá sản, ngừng hoạt động, các SMEs đối phó với rất nhiều khó khăn, phải lo đến sự tồn tại của họ hơn là hội nhập. Hơn 60% các SMEs chỉ hoạt động nội địa, chưa thực hiện xuất khẩu.

3. Một số giải pháp hỗ trợ SMEs hội nhập trong TPP

Nhà nước cần tạo môi trường chính sách và thể chế thuận lợi cho hội nhập của doanh nghiệp vào TPP.

Cần nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh ở Việt Nam trong thời gian tới nhằm giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp nói chung và các SMEs nói riêng. Cần kiên quyết thực hiện cơ chế một cửa, nhanh chóng đưa công nghệ thông tin vào quản lý và

giải quyết các thủ tục hành chính, tránh tình trạng "xin cho", giảm đến mức thấp nhất các loại thuế phí cho doanh nghiệp...

Đổi mới hơn chính sách đất đai và tín dụng theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các SMEs dễ dàng tiếp cận các đầu vào này; xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, đào tạo lao động, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, hướng vào từng cụm ngành cụ thể nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; gấp rút bổ sung Luật sở hữu trí tuệ cho phù hợp với các yêu cầu của TPP, đồng thời nâng cao hiệu lực thực thi của Luật này nhằm khuyến khích việc ứng dụng công nghệ cao và công nghệ mới của các doanh nghiệp, và; gấp rút đổi mới việc cung cấp và chia sẻ thông tin về TPP cho các doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp, nhất là các SMEs cần nâng cao năng lực cạnh tranh để tận dụng các cơ hội lớn, vượt qua những thách thức do TPP mang lại.

Trước hết các SMEs là phải nhanh chóng đổi mới công nghệ hiện đang rất lạc hậu. Bây giờ thuế có về 0% mà hàng hóa kém chất lượng cũng rất khó cạnh tranh. Để làm được việc đó, doanh nghiệp phải thất lạng bụng để đầu tư cho nghiên cứu và đổi mới khoa học công nghệ, đồng thời tận dụng tối đa hỗ trợ của nhà nước.

Doanh nghiệp cũng cần chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng, bởi vì không thể có công nghệ tốt nếu không có nguồn nhân lực tốt.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần chuẩn bị tốt công tác marketing. Doanh nghiệp cần phải chuẩn bị thị trường, xem sản phẩm của mình là gì, đối thủ của mình là ai, trong nước hay nước ngoài, đang ở trình độ nào, giá cả, thị phần ra sao...

Nếu doanh nghiệp có tài sản sở hữu trí tuệ thì cần khẩn trương đăng ký ngay để được bảo hộ trong toàn khối TPP, từ nhãn hiệu hàng hóa, tên doanh nghiệp, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp... Với các tập đoàn hoặc doanh nghiệp mang tính địa phương thì cần phải có chỉ dẫn địa lý nữa, ví dụ nước mắm Phú Quốc, Bưởi Năm Roi...

Đối với doanh nghiệp có liên quan đến thị trường dịch vụ, cần có sự chuẩn bị tốt về các mặt sản phẩm, công nghệ... để nâng cao năng lực cạnh tranh, nhằm tham gia tốt vào thị trường dịch vụ TPP.

Đối với tất cả các SMEs, cần chú ý đến yêu cầu về môi trường của TPP, bởi vì việc thực thi những điều khoản về môi trường của TPP không những là một gánh nặng lớn đối với Nhà nước, mà còn tạo ra nhiều chi phí cho doanh nghiệp (ví dụ như thay đổi công nghệ nuôi trồng – sản xuất, thay đổi nguồn cung nguyên vật liệu, bổ sung, cơ chế kiểm soát...). Các SMEs cũng có thể phải đối diện với những vụ kiện về môi trường do các nước thành viên TPP khởi kiện.

Các Hiệp hội cần đóng vai trò tư vấn và hỗ trợ quá trình hội nhập TPP của doanh nghiệp.

Các Hiệp hội có thể cung cấp những thông tin cần thiết về hội nhập TPP cho các SMEs; cung cấp những kinh nghiệm tốt về hội nhập TPP cho các SMEs; xây dựng các chương trình hỗ trợ hội nhập TPP cho các SMEs như: đào tạo nhân lực, cung cấp các kiến thức và kỹ năng...; chủ động tập hợp các ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về các biện pháp thực hiện cam kết hội nhập cũng như về tiến trình hội nhập và đưa tới những cơ quan hoạch định chính sách; tham gia tư vấn trong việc xây dựng chính sách hội nhập TPP của SMEs...

Ba nhóm giải pháp nói trên cần được tiến hành đồng bộ, trong mối liên hệ mật thiết để nâng cao chất lượng của tất cả các tổ chức này, gắn chính sách với thực tiễn doanh nghiệp. Đây là bước đi cần thiết để tạo nên hiệu quả của các doanh nghiệp khi hội nhập TPP♦

Tài liệu tham khảo:

1. Cao Sỹ Kiêm (2015): *Giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt “sóng” TPP*, Tạp chí Tài chính điện tử, ngày 19/10.
2. Công thông tin điện tử Bộ Công Thương Việt Nam (MOIT) - www.moit.gov.vn: "Tóm tắt Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương", ngày 05/10/2015, [http://www.moit.gov.vn/vn/tin-tuc/5996/hoan-tat-dam-phan-hiep-dinh-doi-tac-xuyen-thai-binh-duong-\(tpp\).aspx](http://www.moit.gov.vn/vn/tin-tuc/5996/hoan-tat-dam-phan-hiep-dinh-doi-tac-xuyen-thai-binh-duong-(tpp).aspx)
3. Chu Đức Dũng (2015): *Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và tác động đến phát triển kinh tế Việt Nam*, Tạp chí “Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới”, số 12.
4. Đào Ngọc Tiến (2013): *Việt Nam tham gia TPP: Vấn đề đặt ra trong lĩnh vực thương mại hàng hóa*, Tạp chí “Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới”, số 2.
5. Đào Văn Hùng (2016): *Vai trò của nhà nước trong phát triển hệ thống tài chính ở Việt Nam*, Hội thảo khoa học tại Viện Chiến lược và phát triển, Bộ kế hoạch và Đầu tư, ngày 12 tháng 4.
6. Nguyễn Quân (2015): *Vào TPP, không trốn được bản quyền*, Tạp chí Khoa học và Phát triển số 8, tháng 10.
7. Nguyễn thị Tuệ Anh (2011): *Báo cáo nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu trong ba ngành may mặc, thủy sản và điện tử ở Việt Nam*, Hà Nội.
8. Nguyễn Hồng Sơn (2015): *Sự chuẩn bị và mức độ sẵn sàng của Việt Nam hướng tới Cộng đồng Kinh tế ASEAN: Cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế và cộng đồng doanh nghiệp*, bài viết tại diễn đàn nghiên cứu Việt Nam - Nhật Bản, ngày 13.11.
9. Nguyễn Tuấn Quỳnh (2015): *Doanh nghiệp Việt Nam và những thách thức từ Hiệp định TPP*, Tạp chí *ESQUIRE VIỆT NAM*, ngày 03/12.
10. Phạm Duy Nghĩa (2013): *TPP – những chuẩn mực mới của thế kỷ XXI*, SGTT.VN, 3/09.